

Số : 276/CT-CBTT

V/v : Công bố thông tin Báo cáo tài chính
soát xét 6 tháng năm 2016

TP.HCM, ngày 2 tháng 8 năm 2016

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO**
2. Mã chứng khoán: **INC**
3. Địa chỉ trụ sở: Số 100 đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
4. Điện thoại : 083 8995588 Fax: 083 8995588
5. Người thực hiện công bố thông tin: Phùng Thị Thom
6. Nội dung công bố thông tin:
 - 6.1. Toàn văn Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2016 sau kiểm toán.
 - 6.2. Nội dung giải trình lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2016 sau kiểm toán biến động trên 10% so với 6 tháng đầu năm 2015
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ BCTC: [www:idico-incon.com.vn](http://www.idico-incon.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :
- Như trên;
- Lưu VPTH.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
KẾ TOÁN TRƯỞNG
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TƯ VẤN ĐẦU TƯ
IDICO
PHÙNG THỊ THOM

Số: 275/CV-INCON

TP. HCM, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Về việc giải trình lợi nhuận 6 tháng đầu năm
2016 (Sau kiểm toán) biến động trên 10%
so với cùng kỳ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.


Theo báo cáo tài chính kiểm toán 6 tháng đầu năm 2016. Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO xin giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc lợi nhuận của Công ty 6 tháng đầu năm 2016 biến động trên 10% so với cùng kỳ năm trước như sau:

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2016 đạt **615.132.067** đồng so với 6 tháng đầu năm 2015: **387.296.655** đồng tăng 37,03% do nguyên nhân sau:

- Doanh thu bán hàng và doanh thu hoạt động tài chính đều tăng so với cùng kỳ lần lượt là 45,95% và 34,43%.

- Chi phí khác 6 tháng đầu năm 2015 tăng 99,03% so với 6 tháng đầu năm 2016 (Do phá bỏ nhà cũ để xây mới nhà văn phòng).

Rất mong nhận được sự quan tâm hợp tác của Quý Ủy ban và Quý Sở.

Nơi nhận: 
- Như trên;
- Lưu TCKT, VPTH.

GIÁM ĐỐC




Nguyễn Ngọc Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ	8 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO (IDICO - INCON) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO (IDICO - INCON) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Đầu tư IDICO, là doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam nay là Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 01 tháng 02 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 11 tháng 7 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 17 tháng 4 năm 2010, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 31 tháng 01 năm 2012, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 13 tháng 5 năm 2013, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 02 tháng 12 năm 2014, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 22 tháng 6 năm 2015, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 27 tháng 4 năm 2016.

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 100, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hiện đang niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2011. Mã cổ phiếu: INC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Hồ Minh Toàn	Chủ tịch
	Ông Phan Công Nhân	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên
	Bà Phùng Thị Thơm	Thành viên
	Ông Mai Quốc Chinh	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Giám đốc
	Ông Đàm Văn Kiên	Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh tại Quảng Nam
	Ông Tạ Văn Lợi	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ HOẠT ĐỘNG

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Khánh
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2016

V. O
ÔN
TN
EM
AV
5H

Số: 526/2016/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO, được lập ngày 09 tháng 8 năm 2016, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/6/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4, việc ghi nhận Vốn và Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu IDICO với số tiền 2.000.000.000 đồng có sự khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779-2015-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		31.578.339.384	37.251.033.267
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.079.582.901	4.762.609.526
1. Tiền	111		579.582.901	762.609.526
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	4.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.472.833.864	15.229.114.712
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	14.489.050.370	15.246.145.938
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.632.058.000	1.374.620.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.029.873.994	1.155.493.674
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(2.678.148.500)	(2.547.144.900)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	14.025.922.619	17.259.309.029
1. Hàng tồn kho	141		14.078.119.619	17.311.506.029
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(52.197.000)	(52.197.000)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		7.222.115.888	4.947.074.787
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		4.131.174.656	2.865.767.472
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1.446.541.184	54.508.000
- Nguyên giá	222		5.956.012.259	4.510.430.650
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.509.471.075)	(4.455.922.650)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	2.684.633.472	2.811.259.472
- Nguyên giá	228		4.865.783.400	4.865.783.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.181.149.928)	(2.054.523.928)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	3.064.782.899	1.530.085.490
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.064.782.899	1.530.085.490
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	500.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		26.158.333	51.221.825
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	26.158.333	51.221.825
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		38.800.455.272	42.198.108.054

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2016	01/01/2016
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		13.356.151.719	16.397.911.595
I- Nợ ngắn hạn	310		13.124.703.219	16.323.463.095
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	1.520.173.088	1.340.941.982
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.170.713.818	8.793.971.596
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	728.416.497	1.249.244.590
4. Phải trả người lao động	314		787.848.445	2.929.573.194
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		430.759.547	484.246.592
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	794.789.568	187.396.158
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	872.000.000	872.000.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		820.002.256	466.088.983
II- Nợ dài hạn	330		231.448.500	74.448.500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	231.448.500	74.448.500
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		25.444.303.553	25.800.196.459
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	25.444.303.553	25.800.196.459
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		248.050.000	248.050.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.445.581.609	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.042.651.577	4.285.583.186
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		708.020.367	1.266.563.273
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		92.888.300	-
- LNST chưa phân phối kì này	421b		615.132.067	1.266.563.273
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		38.800.455.272	42.198.108.054

Người lập



Lại Văn Hoàn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2016

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thơm

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	11.273.840.231	6.093.173.566
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		11.273.840.231	6.093.173.566
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	7.996.029.633	3.313.018.449
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		3.277.810.598	2.780.155.117
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	124.641.405	81.717.926
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.18	2.566.843.562	1.816.225.743
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		835.608.441	1.045.647.300
11. Thu nhập khác	31		1.610	40.909.091
12. Chi phí khác	32		4.922.536	509.866.020
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.19	(4.920.926)	(468.956.929)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		830.687.515	576.690.371
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	215.555.448	189.393.716
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		615.132.067	387.296.655
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	308	194

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lại Văn Hoàn



Phùng Thị Thơm



Nguyễn Ngọc Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	830.687.515	576.690.371
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	180.174.425	179.541.909
- Các khoản dự phòng	3	131.003.600	(206.390.583)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(124.641.405)	305.873.983
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	1.017.224.135	855.715.680
- Tăng/giảm các khoản phải thu	9	625.277.248	(495.941.663)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	3.233.386.410	(1.582.985.628)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(4.217.196.543)	886.059.288
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	25.063.492	(35.564.407)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(157.616.754)	(382.879.322)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.000.000)	(186.004.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>516.137.988</i>	<i>(941.600.052)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.980.279.018)	(118.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	535.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	89.641.405	81.717.926
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(2.355.637.613)</i>	<i>(36.782.074)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	593.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(436.000.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(527.000)	(283.975.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>156.473.000</i>	<i>(283.975.000)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<i>(1.683.026.625)</i>	<i>(1.262.357.126)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.762.609.526	4.866.930.359
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.079.582.901	3.604.573.233

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lại Văn Hoàn

Phùng Thị Thơm



Nguyễn Ngọc Khánh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Đầu tư IDICO, là doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam nay là Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 01 tháng 02 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 11 tháng 7 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 17 tháng 4 năm 2010, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 31 tháng 01 năm 2012, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 13 tháng 05 năm 2013, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 02 tháng 12 năm 2014, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 22 tháng 6 năm 2015, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 27 tháng 4 năm 2016.

Công ty hiện đang niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2011. Mã cổ phiếu: INC.

Vốn điều lệ của Công ty là: 20.00.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	200.000	2.000.000.000	10%
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp - TNHH MTV	1.208.000	12.080.000.000	60%
Các cổ đông khác	592.000	5.920.000.000	30%
Tổng	2.000.000	20.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 100, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là: 68 người (tại ngày 31/12/2015 là: 69 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Tư vấn quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông, nông nghiệp.
- Tư vấn đấu thầu về xây lắp, cung cấp vật tư và mua sắm máy móc thiết bị.
- Lập và thẩm tra dự án đầu tư xây dựng, thẩm tra thiết kế, dự toán và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, nông nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp.
- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.
- Thiết kế công trình kỹ thuật và đô thị.
- Thiết kế qui hoạch xây dựng công trình.
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất.
- Thiết kế kết cấu công trình giao thông.
- Giám sát thi công công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện.
- Đánh giá tác động môi trường
- Thiết kế kiến trúc công trình
- Thiết kế nội ngoại thất công trình
- Thẩm tra an toàn giao thông đường bộ
- Lập báo cáo đầu tư (nghiên cứu tiền khả thi và khả thi): giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp.
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp nước, thoát nước, môi trường đô thị và khu công nghiệp).
- Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình dân dụng và giao thông.

Xây dựng công trình dân dụng khác. Chi tiết:

- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc các dự án thử nghiệm công nghệ mới hoặc thuộc các đề tài nghiên cứu khoa học, cải tạo, duy tu, trùng tu các công trình văn hóa và bảo tồn lịch sử.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông, nông nghiệp.

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển nhà, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.

Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: thí nghiệm các loại vật liệu xây dựng và cơ học đất; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược.

Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, kiểm định chất lượng các công trình xây dựng; Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm Khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: khai thác, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới về công nghệ thông tin, công nghệ xây dựng, vật liệu xây dựng.

Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm Khoa học xã hội và nhân văn. Chi tiết: khai thác, nghiên cứu, ứng dụng, và chuyển giao công nghệ mới về đào tạo nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ.

Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: thi công trang trí nội ngoại thất công trình.

(Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật đầu tư và pháp luật có liên Quan).

Hoạt động chính của Công ty là thiết kế, giám sát, khảo sát thiết kế, khảo sát thi công, lập Báo cáo, dự án...

1.3. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/6/2016, Công ty có đơn vị trực thuộc như sau:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO tại Quảng Nam

Địa chỉ tại: Ngã ba Làng Hồi, Xã Phước Xuân, Huyện Phước Sơn, Quảng Nam.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

a. Nguyên tắc kế toán (Tiếp)

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là Thương hiệu có nguyên giá ban đầu 2.000.000.000 đồng là giá trị thương hiệu IDICO được hạch toán theo Quyết định giá trị doanh nghiệp số 1291/QĐ-BXD ngày 14/09/2006 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa của Công ty Tư vấn Đầu tư IDICO.

TSCĐ vô hình là Phần mềm máy tính được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2016

(Số năm)

Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05

Thương hiệu được tính hao mòn trong thời gian 10 năm, kể từ năm 2007. Việc ghi nhận trên có khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất không có thời hạn tại số G14, Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có nguyên giá ban đầu là 2.389.054.000 đồng. Tài sản cố định là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 5 năm đến 8 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Trong kỳ, có 67.647.409 đồng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 3 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc kế toán Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong kỳ, có 67.647.409 đồng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, và các khoản vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	30.970.234	84.724.510
Tiền gửi ngân hàng	548.612.667	677.885.016
Các khoản tương đương tiền	2.500.000.000	4.000.000.000
Tổng	3.079.582.901	4.762.609.526

Khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc 1 tháng, lãi suất từ 4,5% - 5%/năm.

5.2 Phải thu của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	14.489.050.370	15.246.145.938
- Công ty CP Phát triển Đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	1.341.254.134	1.341.254.134
- Trường Cao đẳng Nghề số 8	1.828.443.027	1.828.443.027
- Ban quản lý Dự án huyện Đức Linh	2.381.798.745	3.364.428.037
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	2.096.929.475	1.384.649.621
- Phải thu đối tượng khác	6.840.624.989	7.327.371.119
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>		
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	669.386.825	777.288.825
- BQL DA Nhà máy Thủy điện Đak Mi 4	247.262.837	177.359.490
- Công ty CP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	201.845.000	-
- Công ty CP Phát triển Đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	1.341.254.134	1.341.254.134
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	-	50.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu Khí IDICO	70.453.000	70.453.000
- Ban giải phóng mặt bằng - Công ty CP Thủy điện Đakmi 4	2.260.500	2.260.500
- Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận	90.221.160	90.221.160
- Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	116.794.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Long An IDICO	-	27.500.000
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	2.096.929.475	1.384.649.621
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	18.772.890	18.772.890
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	99.580.140	177.955.140
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	14.489.050.370	15.246.145.938

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.029.873.994	-	1.155.493.674	-
- Công ty CP phần Kiểm định Xây dựng Vinacontrol IDICO	102.331.466	-	102.331.466	-
- Phải thu các đội thi công công trình	785.482.372	-	824.237.772	-
- Các đối tượng khác	8.495.157	-	26.909.437	-
- Tạm ứng	133.564.999	-	202.014.999	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	1.029.873.994	-	1.155.493.674	-

5.4 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	2.796.716.828	118.568.328	3.158.713.617	611.568.717
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Nguyễn Trúc Nghĩa				261.148.157
Các khách hàng khác				2.535.568.671

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.317.156	-	17.488.246	-
Chi phí SX KDDD	14.062.802.463	(52.197.000)	17.294.017.783	(52.197.000)
Tổng	14.078.119.619	(52.197.000)	17.311.506.029	(52.197.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2016	2.576.190.146	1.493.676.121	440.564.383	4.510.430.650
Tăng trong kỳ	-	1.445.581.609	-	1.445.581.609
Mua trong kỳ	-	1.445.581.609	-	1.445.581.609
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2016	2.576.190.146	2.939.257.730	440.564.383	5.956.012.259
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2016	2.521.682.146	1.493.676.121	440.564.383	4.455.922.650
Tăng trong kỳ	8.374.000	45.174.425	-	53.548.425
Khấu hao trong kỳ	8.374.000	45.174.425	-	53.548.425
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2016	2.530.056.146	1.538.850.546	440.564.383	4.509.471.075
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2016	54.508.000	-	-	54.508.000
Tại ngày 30/6/2016	46.134.000	1.400.407.184	-	1.446.541.184

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2016 với giá trị là 4.396.950.650 đồng (tại ngày 31/12/2015: 4.396.950.650 đồng).

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2016	2.389.054.000	476.729.400	2.000.000.000	4.865.783.400
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2016	2.389.054.000	476.729.400	2.000.000.000	4.865.783.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2016	-	254.523.928	1.800.000.000	2.054.523.928
Tăng trong kỳ	-	26.626.000	100.000.000	126.626.000
Khấu hao trong kỳ	-	26.626.000	100.000.000	126.626.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2016	-	281.149.928	1.900.000.000	2.181.149.928
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2016	2.389.054.000	222.205.472	200.000.000	2.811.259.472
Tại 30/6/2016	2.389.054.000	195.579.472	100.000.000	2.684.633.472

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2016 là 2.389.054.000 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 2.389.054.000 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2016 là 50.697.400 đồng (tại ngày 31/12/2015: 50.697.400 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.8 Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.064.782.899	3.064.782.899	1.530.085.490	1.530.085.490
- Công trình nhà văn phòng làm việc tại 100 D2	3.064.782.899	3.064.782.899	1.530.085.490	1.530.085.490
Tổng	3.064.782.899	3.064.782.899	1.530.085.490	1.530.085.490

5.9 Chi phí trả trước

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	26.158.333	51.221.825
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	26.158.333	51.221.825
Tổng	26.158.333	51.221.825

5.10 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	1.520.173.088	1.520.173.088	1.340.941.982	1.340.941.982
- Xí Nghiệp Khảo sát Tổng hợp Miền Nam-Tư vấn Xây dựng Điện 2	327.272.727	327.272.727	327.272.727	327.272.727
- Công ty TNHH Xây dựng Bảo Nguyên Phát	615.963.500	615.963.500	110.716.500	110.716.500
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	89.228.791	89.228.791	328.278.715	328.278.715
- Các đối tượng khác	487.708.070	487.708.070	574.674.040	574.674.040
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	1.520.173.088	1.520.173.088	1.340.941.982	1.340.941.982

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.10 Phải trả người bán (Tiếp theo)

Trong đó:

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

- XN KS Tổng hợp				
Miền Nam- Tư vấn XD	327.272.727	327.272.727	327.272.727	327.272.727
Điện 2				
- Các đối tượng khác	72.597.874	72.597.874	72.597.874	72.597.874
Tổng	399.870.601	399.870.601	399.870.601	399.870.601

d. Phải trả các bên liên quan

- Tổng công ty Đầu tư				
Phát triển Đô thị và				
Khu công nghiệp Việt	89.228.791	89.228.791	328.278.715	328.278.715
Nam - TNHH MTV				
- Công ty CP Phát triển				
đường cao tốc Biên	45.638.181	45.638.181	45.638.181	45.638.181
Hòa - Vũng Tàu				
Tổng	134.866.972	134.866.972	373.916.896	373.916.896

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải trả		Số phải nộp	Số phải trả
	01/01/2016	Số đã nộp		30/06/2016
	VND	VND		VND
Thuế	1.249.244.590	1.576.015.025	1.055.186.932	728.416.497
Thuế giá trị gia tăng	975.931.646	1.144.488.860	575.360.485	406.803.271
Thuế thu nhập doanh nghiệp	184.055.449	157.616.754	215.555.448	241.994.143
Thuế thu nhập cá nhân	36.106.224	113.587.911	103.949.499	26.467.812
Các loại thuế khác	53.151.271	7.921.500	7.921.500	53.151.271
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	152.400.000	152.400.000	-

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	6.137.000
Bảo hiểm xã hội	23.327.965	12.300.076
Bảo hiểm y tế	2.893.790	5.476.680
Bảo hiểm thất nghiệp	5.710.963	7.208.642
Các khoản phải trả, phải nộp khác	762.856.850	156.273.760
Tổng	794.789.568	187.396.158

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cổ tức phải trả	762.856.850	156.273.760
Tổng	762.856.850	156.273.760

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	872.000.000	872.000.000	361.551.500	361.551.500	872.000.000	872.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (*)	872.000.000	872.000.000	361.551.500	361.551.500	872.000.000	872.000.000
b) Vay dài hạn	231.448.500	231.448.500	231.448.500	74.448.500	74.448.500	74.448.500
Từ 12 tháng - 60 tháng						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (*)	231.448.500	231.448.500	231.448.500	74.448.500	74.448.500	74.448.500
Tổng	1.103.448.500	1.103.448.500	593.000.000	436.000.000	946.448.500	946.448.500

(*) Công ty vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM theo Hợp đồng tín dụng số 02/2015/3158000/HĐTD ngày 07 tháng 08 năm 2015. Số tiền vay: 4.200.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: xây dựng mới công trình "Tòa nhà văn phòng IDICO-INCON" tại G14, đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/tháng đối với số tiền trả chậm. Tài sản thế chấp là tòa nhà văn phòng tại số G14 đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00130 ngày 13/9/2007 và công trình tòa nhà trên đất với tổng giá trị tài sản thế chấp: 5.274.000.000 đồng.

CP
CH
K
C
D.M

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	20.000.000.000	248.050.000	-	3.858.741.760	1.067.103.566	25.173.895.326
Tăng trong năm	-	-	-	426.841.426	1.266.563.273	1.693.404.699
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	1.266.563.273	1.266.563.273
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	426.841.426	-	426.841.426
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.067.103.566	1.067.103.566
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	426.841.426	426.841.426
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	640.262.140	640.262.140
Số dư tại 31/12/2015	20.000.000.000	248.050.000	-	4.285.583.186	1.266.563.273	25.800.196.459
Số dư tại 01/01/2016	20.000.000.000	248.050.000	-	4.285.583.186	1.266.563.273	25.800.196.459
Tăng trong kỳ	-	-	1.445.581.609	202.650.000	708.020.367	2.356.251.976
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	615.132.067	615.132.067
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	202.650.000	-	202.650.000
Tăng khác (**)	-	-	1.445.581.609	-	92.888.300	1.538.469.909
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.445.581.609	1.266.563.273	2.712.144.882
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	202.650.000	202.650.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	700.000.000	700.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	363.913.273	363.913.273
Giảm khác (**)	-	-	-	1.445.581.609	-	1.445.581.609
Số dư tại 30/6/2016	20.000.000.000	248.050.000	1.445.581.609	3.042.651.577	708.020.367	25.444.303.553

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 21 tháng 4 năm 2016 về việc phân phối lợi nhuận năm 2015 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO.

(**) Tiền mua xe Toyota Camry 2.5Q được hình thành từ Quỹ Đầu tư phát triển theo Quyết định phê duyệt số 183/QĐ-CT ngày 02/6/2016 của Hội đồng Quản trị về việc mua mới 01 xe ô tô Toyota Camry.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam	12.080.000.000	12.080.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	5.920.000.000	5.920.000.000
Tổng	20.000.000.000	20.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu***e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.042.651.577	4.285.583.186
Tổng	3.042.651.577	4.285.583.186

5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.273.840.231	6.093.173.566
Tổng	11.273.840.231	6.093.173.566

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	320.044.545	789.765.454
BQL DA Nhà máy Thủy điện Đak Mí 4	620.869.091	-
Công ty CP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	183.495.455	-
Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận	-	108.545.455
Công ty TNHH MTV xây dựng IDICO	267.946.364	84.016.364
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	3.823.688.614	664.526.203
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	-	127.272.727
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	472.269.091	169.737.173
Tổng	5.688.313.160	1.943.863.376

5.16 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.996.029.633	3.313.018.449
Tổng	7.996.029.633	3.313.018.449

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	89.641.405	81.717.926
Lãi bán các khoản đầu tư	35.000.000	-
Tổng	124.641.405	81.717.926

5.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.048.515.042	947.330.181
Chi phí vật liệu quản lý	5.777.000	15.360.500
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.545.454	131.192.377
Chi phí khấu hao TSCĐ	197.782.099	176.905.502
Thuế phí và lệ phí	28.379.796	26.615.696
Chi phí dự phòng	131.003.600	(206.390.583)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.924.537	69.715.600
Chi phí bằng tiền khác	1.096.916.034	655.496.470
Tổng	2.566.843.562	1.816.225.743

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.19 Lợi nhuận khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Các khoản khác	1.610	40.909.091
Tổng	1.610	40.909.091
<i>Chi phí khác</i>		
Chênh lệch thanh lý và nhượng bán TSCĐ	-	381.175.909
Các khoản bị phạt	4.921.500	22.788.158
Các khoản khác	1.036	105.901.953
Tổng	4.922.536	509.866.020
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	(4.920.926)	(468.956.929)

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	830.687.515	576.690.371
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>272.156.700</i>	<i>284.190.158</i>
<i>Thù lao của hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành</i>	<i>65.000.000</i>	<i>60.000.000</i>
<i>Khấu hao góp vốn thương hiệu</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>107.156.700</i>	<i>124.190.158</i>
Thu nhập chịu thuế	1.102.844.215	860.880.529
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>20%</i>	<i>22%</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	220.568.843	189.393.716
Thuế thu nhập được miễn giảm	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa của năm 2015	(5.013.395)	-
Thuế TNDN hiện hành	215.555.448	189.393.716

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	615.132.067	387.296.655
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	615.132.067	387.296.655
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	308	194

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.22 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	310.539.728	316.617.968
Chi phí nhân công	4.805.484.802	4.343.840.223
Chi phí khấu hao tài sản cố định	206.156.099	197.561.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.275.313.980	1.122.377.873
Chi phí khác bằng tiền	1.589.359.108	1.028.725.265
Tổng	8.186.853.717	7.009.122.831

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty**

Bên liên quan	Tính chất	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	Lương, thưởng và thù lao	750.676.000	810.598.000

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
---------------	-------------	---------------------	---------------------------------------	---------------------------------------

Giao dịch mua

Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	Đơn vị cùng Tổng Công ty	Thuê văn phòng	-	27.456.363
Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH	Công ty mẹ	Thuê văn phòng	81.117.083	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Người mua trả tiền trước			
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng Tổng Công ty	401.536.125	457.238.125
BQL DA Nhà máy Thủy điện Dak Mi 4	Đơn vị cùng Tổng Công ty	136.513.200	341.400.000
Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	Đơn vị cùng Tổng Công ty	645.702.800	645.702.800
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu Khí IDICO	Đơn vị cùng Tổng Công ty	52.420.693	52.420.693
Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận	Đơn vị cùng Tổng Công ty	215.508.278	215.508.278
Công Ty TNHH MTV xây dựng IDICO	Đơn vị cùng Tổng Công ty	279.982.000	338.929.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Quế Võ IDICO	Đơn vị cùng Tổng Công ty	237.360.000	237.360.000
Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	Công ty mẹ	2.301.523.670	3.738.611.498
Công ty CP đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	Đơn vị cùng Tổng Công ty	97.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Đơn vị đầu tư	253.231.000	158.904.000
Tổng		4.620.777.766	6.186.074.394

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khác			
Công ty CP Kiểm định Xây dựng Vinacontrol IDICO	Đơn vị cùng Tổng Công ty	102.331.466	102.331.466

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.079.582.901	4.762.609.526
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.707.210.865	13.652.479.713
Đầu tư tài chính dài hạn	-	500.000.000
Tổng	15.786.793.766	18.915.089.239
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.103.448.500	946.448.500
Phải trả người bán và phải trả khác	2.314.962.656	1.528.338.140
Tổng	3.418.411.156	2.474.786.640

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính giữa niên độ Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính giữa niên độ Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/6/2016			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	2.314.962.656	-	2.314.962.656
Các khoản vay	872.000.000	231.448.500	1.103.448.500
Tổng	3.186.962.656	231.448.500	3.418.411.156
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	1.528.338.140	-	1.528.338.140
Các khoản vay	872.000.000	74.448.500	946.448.500
Tổng	2.400.338.140	74.448.500	2.474.786.640

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)

Tài sản tài chính

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/6/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.079.582.901	-	3.079.582.901
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.707.210.865	-	12.707.210.865
Tổng	15.786.793.766	-	15.786.793.766
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.762.609.526	-	4.762.609.526
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.652.479.713	-	13.652.479.713
Đầu tư tài chính dài hạn	-	500.000.000	500.000.000
Tổng	18.415.089.239	500.000.000	18.915.089.239

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 đã được soát xét.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lại Văn Hoàn





Phùng Thị Thơm

Nguyễn Ngọc Khánh

